

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN THỊ HIẾU GIANG

**PHÁP LUẬT VỀ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA
Ở VIỆT NAM**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Trần Viết Long**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	1
2. Tình hình nghiên cứu của đề tài	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	4
5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài.....	5
7. Kết cấu của đề tài	5
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA	6
1.1. Khái quát về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.....	6
1.1.1. Khái niệm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa	6
1.1.2. Phân loại tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa	6
1.1.3. Ý nghĩa tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa	7
1.2. Khái quát pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa	7
1.2.1. Khái niệm pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.....	7
1.2.2. Đặc điểm pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.....	7
1.2.3. Nội dung pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa	7
1.3. Pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong một số Hiệp định thương mại tự do và kinh nghiệm cho Việt Nam	9
1.3.1. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương.....	9
1.3.2. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên minh Châu Âu.....	9
1.3.3. Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực	9
1.3.4. Kinh nghiệm cho Việt Nam	10
Tiểu kết Chương 1	10
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA.....	11
Ở VIỆT NAM	11
2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.....	11
2.1.1. Quy định pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong các hiệp định thương mại mà Việt Nam là thành viên	11
2.1.2. Đánh giá thực trạng pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam	12
2.2. Tình hình thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam.....	12
2.2.1. Tình hình thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam	12
2.2.2. Đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam	13
Tiểu kết Chương 2.....	14

CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA Ở VIỆT NAM.....	15
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa	15
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đáp ứng xu thế tự do hóa thương mại trong hội nhập quốc tế	15
3.1.2. Hoàn thiện chính sách về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải đặt trong bối cảnh tương thích với các hiệp định thương mại tự do	15
3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đảm bảo sự tham gia của các bên có liên quan.....	15
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.....	15
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa	16
Thứ hai, quy định chế tài xử phạt và hoàn thiện hành lang pháp lý chặt chẽ chống hành vi gian lận xuất xứ hàng hóa.....	16
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam.....	16
Tiểu kết Chương 3	17
PHẦN KẾT LUẬN.....	18
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	19

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Hiệp định ATIGA	: Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN
WTO	: Tổ chức thương mại thế giới
CPTPP	: Hiệp định đối tác toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương
EVFTA	: Hiệp định thương mại Việt Nam – Liên minh châu Âu
TCNXX	: Tự chứng nhận xuất xứ
RCEP	: Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực
FTA	: Hiệp định tự do thể hệ mới

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong xu thế hội nhập, việc thiết lập các quan hệ giữa các quốc gia vô cùng quan trọng. Đối với lĩnh vực kinh tế, hội nhập quốc tế đóng vai trò then chốt, là cầu nối để các quốc gia tận dụng những lợi thế giao dịch các sản phẩm, dịch vụ, cung ứng lao động, chuyển giao khoa học công nghệ và thúc đẩy sự giao thương, trao đổi; hạn chế các rào cản liên quan đến thương mại. Đồng thời, hội nhập cũng tạo ra môi liên kết giữa các tổ chức, các thiết chế thương mại thúc đẩy kinh tế quốc gia, tận dụng các lợi thế tiềm năng có thể khai thác hiệu quả. Trong quá trình quản lý nhà nước về hàng hóa, chứng nhận xuất xứ đóng vai trò quan trọng đối với việc xác nhận nguồn gốc đối với hàng hóa.

Ở Việt Nam, trong bối cảnh thúc đẩy và tăng cường trao đổi, thiết lập đa phương hóa các mối quan hệ thương mại thì yêu cầu hoàn thiện pháp luật về chứng nhận xuất xứ hàng hóa cũng đặt ra những nhiệm vụ mới, như tăng cường hoạt động việc kiểm tra chứng nhận xuất xứ hàng hóa để hạn chế các bất cập trong tổ chức, quản lý, thực thi các quy định pháp luật quốc gia cũng như quốc tế về chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

Tự chứng nhận xuất xứ là một hình thức chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Khác với phương thức truyền thống là chứng nhận xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền cấp, tự chứng nhận xuất xứ sẽ giảm thiểu tối đa sự có mặt của cơ quan nhà nước mà trách nhiệm chứng nhận nguồn gốc xuất xứ hàng hóa được chuyển giao sang doanh nghiệp hoặc nhà xuất khẩu. Điều này đồng nghĩa với việc doanh nghiệp, nhà xuất khẩu chủ động thực hiện các thủ tục xác minh và đáp ứng điều kiện để tuyên bố hàng hóa đạt đủ các tiêu chí xuất xứ, đồng thời tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tuyên bố đó, thay vì bị động chờ đợi sự chấp thuận từ phía cơ quan quản lý nhà nước. Hình thức tự chứng nhận xuất xứ được thúc đẩy từ các cam kết trong Công ước quốc tế về đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hải quan trong nỗ lực loại bỏ những khác biệt giữa thủ tục và thông lệ Hải quan của các quốc gia thành viên mà có thể gây trở ngại cho thương mại quốc tế, tạo thuận lợi, hài hòa và đơn giản hóa thủ tục và thông lệ Hải quan.

Có thể thấy, tự chứng nhận xuất xứ là một cơ chế chứng nhận xuất xứ phổ biến và được áp dụng tại nhiều quốc gia phát triển trên thế giới trong những năm trở lại đây. Nhiều hiệp định thương mại tự do giữa các quốc gia trên thế giới đã đưa quy định để áp dụng cơ chế này đối với hàng hoá xuất nhập khẩu lưu thông trong khu vực mậu dịch tự do đó, nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp cũng như thúc đẩy hoạt động thương mại giữa các quốc gia. Tuy nhiên,

cơ chế tự chứng nhận xuất xứ còn tương đối mới mẻ với Việt Nam. Việt Nam mới chỉ biết đến cơ chế này trong thời gian 10 năm trở lại đây khi các nước thành viên ASEAN bắt đầu đàm phán và thực hiện chương trình thí điểm về tự chứng nhận xuất xứ đối với nhà xuất khẩu đủ điều kiện trong khuôn khổ Hiệp định ATIGA. Cho đến nay, các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đàm phán và ký kết trong những năm gần đây đều có điều khoản quy định về cơ chế tự chứng nhận xuất xứ, mặc dù có thể ở các cấp độ khác nhau. Trước những yêu cầu nội luật hóa các cam kết về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa và điều chỉnh các quy định pháp luật Việt Nam gắn với tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trên cơ sở làm rõ những thuận lợi, khó khăn đối với tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam, tác giả chọn đề tài “Pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam” để làm đề tài nghiên cứu luận văn thạc sĩ Luật kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Hiện nay có khá nhiều công trình nghiên cứu về tự chứng nhận xuất xứ, cụ thể như:

Một số công trình trong nước:

- Nguyễn Hoàng Tuấn, Thái Bùi Hải An (2014), Đề tài “Áp dụng hiệu quả các quy định về xuất xứ hàng hóa trong các hiệp định thương mại tự do của Việt Nam”, Học viện Tài chính. Đề tài đánh giá những tác động của các quy tắc xuất xứ hàng hoá hiện đang áp dụng tại Việt Nam, tác động đến thuế quan và trao đổi thương mại. Trên cơ sở phân tích và chỉ ra những hạn chế trong việc áp dụng các quy tắc xuất xứ để đề xuất ra một số giải pháp tăng cường hiệu quả áp dụng các quy định về xuất xứ hàng hoá ở Việt Nam.

- Phan Thị Thu Hiền (2014), “Hoàn thiện chính sách kiểm tra xuất xứ hàng hóa nhập khẩu của Tổng cục hải quan Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành kinh tế đối ngoại Đại học Kinh tế quốc dân. Luận văn đi sâu vào các quy định về kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hoá áp dụng đối với cơ quan hải quan trong hoạt động quản lý hàng hoá XNK.

- Brian Staples (2015), “Báo cáo hỗ trợ bộ công thương về sáng kiến tự chứng nhận xuất xứ”, Dự án EU-Mutrap. Bản báo cáo đã đánh giá về hiện trạng hệ thống chứng nhận xuất xứ hiện nay tại Việt Nam, thông lệ quốc tế và khu vực về tự chứng nhận xuất xứ, những thuận lợi, khó khăn và đưa ra một số kiến nghị cho hoạt động tự chứng nhận xuất xứ của Việt Nam.

Một số công trình nước ngoài:

- Antoni Estevadeordal và Kati Suominen (2003), “Rules of Origin in the World Trading System”, do WTO biên soạn nhằm đánh giá mục đích và tác động của các quy tắc xuất xứ, so sánh cấu trúc của các quy tắc xuất xứ ở 5 khu

vực Châu Âu, Châu Mỹ, châu Phi, châu Á và Trung Đông. Từ đó đưa ra những nhận định về tương lai quy tắc xuất xứ trên toàn cầu, vấn đề hài hoà hoá các quy tắc xuất xứ ưu đãi.

- Kala Krishna (2004), “Understanding rules of origin”, đại học Pennsylvania ấn bản tháng 11/2004, phân tích những tác động của quy tắc xuất xứ liên quan đến ưu đãi thuế quan trong các FTA. Nội dung của nghiên cứu tập trung vào việc xem xét về mặt lý thuyết cũng như về thực nghiệm qua việc áp dụng mô hình cân bằng tổng thể để đánh giá ảnh hưởng của quy tắc xuất xứ đến việc làm gia tăng chi phí đầu vào của sản xuất sản phẩm của các đối thủ trong FTA.

- Patricia Augier, Michael Gasiorek, Charles Lai Tong (2005), “The 11 impact rules of origin on trade flows”, Economic Policy 20 (43): 567- 624, bài viết phân tích mối liên hệ giữa các quy tắc xuất xứ và thuế quan từ đó tác động đến dòng chảy thương mại như thế nào. Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô hình trọng lực trong việc đánh giá tác động của quy tắc xuất xứ đối với trao đổi thương mại của các nước châu Âu. Kết quả cho thấy quy tắc xuất xứ thực sự tác động đáng kể đến trao đổi thương mại khi mà làm hạn chế sự trao đổi thương mại, việc cộng gộp trong xuất xứ hàng hoá ảnh hưởng đến khâu trung gian thương mại hơn là khâu sản xuất và mức thuế càng cao thì tác động của việc cộng gộp càng thấp.

- Paul Brenton và Hiroshi Imagawa (2005), “Rules of origin, trade and customs” đăng trong cuốn Customs modernization handbook (sổ tay hiện đại hóa hải quan) do ngân hàng thế giới xuất bản năm 2005. Bài viết đi vào phân tích và đánh giá mối liên hệ giữa xuất xứ hàng hóa, thương mại và hải quan theo các quy định trong WTO, các hiệp định thương mại khu vực.

- Olivier Cadot, Jaime de Melo, Alberto Portugal-Perez (2006), “Rules of Origin for Preferential trading arrangements: implications for the ASEAN free trade area of EU and US experience”, do Ngân hàng thế giới ấn bản năm 2006. Các tác giả chỉ ra nội dung của quy tắc xuất xứ EU với hệ thống ưu đãi thuế quan GSP, kinh nghiệm từ triển khai quy tắc xuất xứ NAFTA của Mỹ, từ đó rút ra kinh nghiệm triển khai AFTA của các nước ASEAN.

Như vậy, các công trình có giá trị nghiên cứu và kế thừa gắn với đề tài nghiên cứu để học viên tiếp cận những kiến thức gắn với nội dung nghiên cứu nghiên cứu của đề tài gắn với pháp luật tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài là đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất, làm rõ những vấn đề lý luận pháp luật pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa;

Thứ hai, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam hiện nay;

Thứ ba, đưa ra các định hướng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những quan điểm và những vấn đề lý luận về pháp luật, thực tiễn thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa Việt Nam qua các báo cáo nghiên cứu liên quan về tự chứng nhận xuất xứ.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung: Đề tài nghiên cứu các nội dung về pháp luật về chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở góc độ lý luận pháp luật và thực tiễn trong Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định số 31/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương; Thông tư số 05/2018/TT-BCT quy định về xuất xứ hàng hóa và một số Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên có quy định về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa như CPTTP, EVFTA, ATIGA.

Phạm vi thời gian: Đề tài tập trung nghiên cứu pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ năm 2018 đến năm 2022.

Phạm vi không gian: ở Việt Nam

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Đề tài được nghiên cứu dựa trên quan điểm, thế giới quan của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh về định hướng và giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về kinh tế thị trường và vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường, về hội nhập kinh tế, hợp tác quốc tế về tự do hóa thương mại và thương mại đa biên.

Đề tài tiếp cận dưới góc độ nghiên cứu liên ngành, đa ngành kinh tế học, xã hội học và pháp luật,... thông qua các hoạt động tự đánh giá chứng nhận xuất xứ hàng hoá.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để triển khai nghiên cứu các nội dung cụ thể, luận văn đã sử dụng các

phương pháp nghiên cứu phổ biến như sau:

Phương pháp phân tích được sử dụng để phân tích các khái niệm, quan điểm và quy định của pháp luật Việt Nam, cũng như một số các Hiệp định thương mại tự do về tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá. Phương pháp này được sử dụng phổ biến tại chương 1 và chương 2.

Phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê: Phương pháp này được sử dụng chủ yếu ở chương 1 và chương 2 nhằm thống kê, tổng hợp các văn bản pháp luật điều chỉnh tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá.

Phương pháp luật học so sánh: Phương pháp so sánh được sử dụng chủ yếu ở chương 2 để so sánh đối chiếu quy định của pháp luật Việt Nam về tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá với các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết như CPTPP, EVFTA,...

Phương pháp bình luận, đánh giá: Phương pháp này được sử dụng để bình luận và đánh giá thực trạng quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu ở chương 2 và chương 3 của luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn hệ thống và làm rõ thêm cơ sở khoa học của pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá. Các giải pháp được đề xuất trong luận văn góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá ở Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn là tài liệu có thể sử dụng để tham khảo trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu đối với lĩnh vực kinh tế, hải quan.

Luận văn cũng là nguồn tài liệu tham khảo khi xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá.

7. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, đề tài được cấu trúc thành 03 chương cụ thể như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá ở Việt Nam

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá

CHƯƠNG 1.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA

1.1. Khái quát về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

1.1.1. Khái niệm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

Hiện nay, có nhiều khái niệm cần tiếp cận để làm rõ nội hàm về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Bản chất tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa là trao quyền tự xác lập, xác nhận của doanh nghiệp, của nhà xuất khẩu nên cần được luận giải một cách khoa học ở góc độ lý luận.

Xuất xứ hàng hoá là xuất xứ của một sản phẩm hàng hoá. Theo Phụ lục chuyên đề K của Công ước quốc tế về hài hoà và đơn giản hoá thủ tục hải quan (Công ước Kyoto sửa đổi và bổ sung), xuất xứ hàng hoá “là nước tại đó hàng hoá được chế biến hoặc sản xuất, phù hợp với tiêu chuẩn được áp dụng trong biểu thuế hải quan, giới hạn về số lượng hoặc các biện pháp khác liên quan đến thương mại”.

Theo Luật Thương mại năm 2005 của Việt Nam, tại Điều 3, xuất xứ hàng hoá được định nghĩa như sau: “là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hoá hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hoá trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hoá đó”.

1.1.2. Phân loại tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

Theo hướng dẫn của Tổ chức Hải quan thế giới, có 3 cách thức tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa,¹ căn cứ vào tư cách chủ thể tham gia vào quá trình, bao gồm:

- Tự chứng nhận xuất xứ dựa trên nhà xuất khẩu đã được phê duyệt (Approved exporter system): nhà xuất khẩu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và cấp phép chứng nhận xuất xứ. Nhà xuất khẩu phải đạt được những tiêu chí nhất định cho việc tự chứng nhận xuất xứ và phải cung cấp đầy đủ thông tin cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

- Tự chứng nhận xuất xứ dựa trên nhà xuất khẩu đã đăng kí (Registered exporter system): nhà xuất khẩu đăng kí tại cơ quan có thẩm quyền có thể tự khai báo xuất xứ hàng hoá trên hoá đơn thương mại, phiếu giao hàng hoặc trên các chứng từ thương mại khác.

- Tự chứng nhận xuất xứ dựa trên nhà nhập khẩu (Importer-based system):

¹ The World Customs Organization - WCO, Guidelines on Certification of Origin, 2018, tldd, p. 9 - 10.

đây được coi là phương thức thông thoáng nhất khi cho phép nhà nhập khẩu tự cung cấp bằng chứng nguồn gốc của hàng hoá bên cạnh các chủ thể truyền thống như nhà sản xuất, nhà xuất khẩu. Nhà nhập khẩu khi yêu cầu hưởng ưu đãi thuế quan, được phép đưa ra bản kê khai xuất xứ hoặc chỉ dẫn xuất xứ dựa trên cam kết của họ về hàng hoá nhập khẩu.

1.1.3. Ý nghĩa tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

Đối với doanh nghiệp: cắt giảm chi phí và thời gian xin cấp C/O tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho phép các doanh nghiệp chỉ ra xuất xứ của hàng hóa. Trước đây, các doanh nghiệp phải chuẩn bị, điền đơn và mang đến một tổ chức được cấp phép để công chứng. Chi phí xin cấp C/O thường không chỉ là phí cấp C/O mà còn là phí đi lại của nhân viên, thời gian chờ đợi, chi phí nộp hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp C/O...

Đối với cơ quan nhà nước: góp phần làm tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực hạn chế của nhà nước, tinh giảm bộ máy hành chính. Cơ quan nhà nước không còn phải duy trì một hệ thống công kênh và tốn kém để kiểm tra thực tế, kiểm tra bộ hồ sơ và cấp C/O. Tiết kiệm được chi phí hành chính phát sinh từ việc vận hành hệ thống như văn phòng, máy móc, thiết bị...

1.2. Khái quát pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

1.2.1. Khái niệm pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

Theo Tổ chức Hải quan thế giới, tự chứng nhận xuất xứ “là một hình thức chứng nhận xuất xứ sử dụng khai báo xuất xứ hoặc giấy chứng nhận xuất xứ tự cấp nhằm khai báo hoặc khẳng định tình trạng xuất xứ của hàng hoá”²; trong đó khai báo xuất xứ (declaration of origin) là tuyên bố về trạng thái xuất xứ của hàng hoá do nhà sản xuất, nhà xuất khẩu hoặc nhà nhập khẩu thực hiện trên hoá đơn thương mại hoặc bất kỳ tài liệu nào khác liên quan đến hàng hoá; giấy chứng nhận xuất xứ tự cấp là một biểu mẫu cụ thể trong đó nhà sản xuất, nhà xuất khẩu hoặc nhà nhập khẩu xác nhận rõ ràng về hàng hoá đảm bảo xuất xứ theo các quy tắc xuất xứ.

1.2.2. Đặc điểm pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

Một là, pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa chuyển trách nhiệm xác định xuất xứ từ cơ quan có thẩm quyền sang doanh nghiệp.

Hai là, pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ có tính linh hoạt và tiến bộ.

Ba là, quan hệ pháp luật trong tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa gắn với hệ thống pháp luật quốc tế cao.

1.2.3. Nội dung pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

² The World Customs Organization - WCO, Guidelines on Certification of Origin, 2018, p. 4.

1.2.3.1. Nhóm quy phạm quy định tiêu chí lựa chọn thương nhân

Đối với nhóm quy phạm tiêu chí lựa chọn thương nhân để thực hiện các yêu cầu được phép tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa tùy thuộc vào quy định của từng quốc gia và các cam kết trong từng hiệp định. Tuy nhiên, nhóm quy phạm quy định tiêu chí lựa chọn thường gắn với các tiêu chí như: là nhà sản xuất đồng thời là nhà xuất khẩu hàng hóa do chính thương nhân sản xuất; Không vi phạm quy định về xuất xứ trong khoảng thời gian nhất định; kim ngạch xuất nhập khẩu có trị giá ấn định; Đã qua đào tạo về chứng nhận xuất xứ và tự chứng nhận xuất xứ.

1.2.3.2. Nhóm quy phạm quy định quy trình tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa

Từng quy định nhóm quy phạm đối với quy trình tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đặt ra nhiều vấn đề về mặt pháp lý và thủ tục. Xây dựng quy trình sẽ tạo được sự chặt chẽ trong khâu quản lý cũng như tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng các quy định có tính ổn định. Quy trình tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa từng quốc gia có sự quy định khác nhau bảo đảm hệ thống pháp luật trong nước phù hợp pháp luật quốc tế và các yếu tố quản lý nhà nước khác nhau.

1.2.3.3. Nhóm quy phạm quy định thủ tục tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa

Hiện nay, theo các chứng nhận xuất xứ truyền thống, việc chứng nhận xuất xứ hàng hóa được thực hiện bởi cơ quan nhà nước và trình tự thủ tục theo luật định. Tuy nhiên, trong quy định về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa quyền tự quyết của thương nhân được ghi nhận trong việc doanh nghiệp (hoặc nhà nhập khẩu) phải tự thực hiện các thủ tục, đáp ứng các tiêu chuẩn về nguồn gốc xuất xứ và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác. Vì vậy, để bảo đảm tính hợp lệ và hợp pháp doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa cần tiếp cận các quy định để xây dựng thủ tục tự chứng nhận xuất xứ đúng pháp luật

1.2.3.4. Nhóm quy phạm quy định nghĩa vụ và trách nhiệm của thương nhân tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa

Thương nhân có trách nhiệm thực hiện các vấn đề đối với quy định về tự chứng nhận xuất xứ như đăng ký hồ sơ thương nhân với cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa; Cung cấp thông tin tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho cơ quan, tổ chức quản lý; chứng minh hàng hóa tự cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với thông tin khai báo và tự xác định xuất xứ hàng hóa; Lưu trữ hồ sơ theo quy định và có trách nhiệm

làm việc, cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ, thông tin và tài liệu liên quan phục vụ công tác xác minh xuất xứ hàng hóa và bố trí đi kiểm tra tại cơ sở sản xuất theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức cơ quan có thẩm quyền.

1.2.3.5. Nhóm quy phạm quy định về chế tài xử lý vi phạm đối với tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

Các quy phạm quy định về chế tài xử lý vi phạm đối với tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa hiện nay đều dựa vào quy định xử lý vi phạm về chứng nhận xuất xứ. Hình thức, mức xử phạt áp dụng theo quy định Luật xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

1.3. Pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong một số Hiệp định thương mại tự do và kinh nghiệm cho Việt Nam

1.3.1. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

Với mục tiêu tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động thương mại giữa các nước thành viên, Hiệp định CPTPP hướng tới cơ chế tự chứng nhận xuất xứ là cơ chế chứng nhận cốt lõi tại Hiệp định, áp dụng cho ba đối tượng là nhà xuất khẩu, nhà sản xuất và nhà nhập khẩu. Theo đó, Hiệp định quy định bất kỳ nhà xuất khẩu, nhà sản xuất nào cũng được tự chứng nhận xuất xứ. Còn đối với nhà nhập khẩu, Hiệp định CPTPP cho phép các nước thành viên có thể đưa ra các quy định trong nội luật về điều kiện cụ thể để nhà nhập khẩu được tự chứng nhận xuất xứ.

1.3.2. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên minh Châu Âu

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên minh Châu Âu là một trong những FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết, và yếu tố tiên tiến đặc trưng của Hiệp định chính là cơ chế tự chứng nhận/tự khai báo xuất xứ.

1.3.3. Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Hiệp định RCEP) là Hiệp định thương mại tự do được 10 nước thành viên Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và 5 nước đối tác của ASEAN là Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Úc và Niu Di-lân ký kết vào ngày 15 tháng 11 năm 2020 bên lề Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 37 trong năm Việt Nam làm Chủ tịch ASEAN. Để triển khai nội dung quy định về Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định RCEP, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 05/2022/TTBCT ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực. Hiệp định RCEP quy định 03 cơ chế chứng nhận xuất xứ, tương đương với 3 hình thức chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa như sau: - Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O): C/O được cấp bởi cơ quan, tổ chức cấp của nước thành viên xuất khẩu (còn gọi là cơ chế cấp C/O

truyền thông) - hình thức này hiện đang áp dụng ở Việt Nam; - Tự chứng nhận xuất xứ bởi nhà xuất khẩu đủ điều kiện: Chỉ nhà xuất khẩu đủ điều kiện sẽ được tự chứng nhận xuất xứ trên chứng từ hàng hóa của mình, mỗi nước thành viên RCEP được tự xác định các điều kiện mà nhà xuất khẩu phải tuân thủ để được tự chứng nhận xuất xứ.

1.3.4. Kinh nghiệm cho Việt Nam

Một là cần phải xây dựng được quy trình, trình tự các bước đăng ký, lựa chọn và cấp phép cho các doanh nghiệp được tự chứng nhận xuất xứ.

Hai là, quy định trách nhiệm của thương nhân tham gia chương trình tự xác định xuất xứ rõ ràng, minh bạch và có chế tài cụ thể nếu có hành vi vi phạm.

Ba là, phải xây dựng nguồn nhân lực và hệ thống kiểm tra, giám sát phục vụ tốt cho công tác quản lý tự chứng nhận xuất xứ.

Tiểu kết Chương 1

Tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa là một trong những quy định gắn với những nhận thức pháp lý đặc thù. Ở từng quốc gia, việc quy định, tiếp cận và hài hòa hóa pháp luật quốc gia đối với các cam kết về tự chứng nhận xuất xứ khác nhau. Ở chương 1 luận văn, tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa được tác giả nghiên cứu và tiếp cận triển khai ở góc độ nội hàm là bảo đảm quyền của doanh nghiệp và sự giám sát đối với doanh nghiệp của nhà nước, doanh nghiệp được phép chứng nhận hàng hóa và phải chịu trách nhiệm đối với các nội dung tự xác nhận của mình trong hoạt động thực hiện xuất nhập khẩu. Nhóm quy phạm pháp luật cũng được phân tích tại chương 1 để tiếp cận pháp luật thực định ở chương 2 và luận giải thực trạng thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ ở Việt Nam.

CHƯƠNG 2.

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

2.1.1. Quy định pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong các hiệp định thương mại mà Việt Nam là thành viên

2.1.1.1. Quy định pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên minh Châu Âu

Một là, quy định về tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa từ Liên minh châu Âu tại Điều 24 Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương như sau:

Hai là, quy định về tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa từ Việt Nam tại Điều 25 Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương:

2.1.1.2. Quy định pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

Tự chứng nhận xuất xứ trong CPTPP được đánh giá là một hình thức linh hoạt và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong quá trình xuất khẩu. Việt Nam đã nội luật hoá các quy định về tự chứng nhận xuất xứ tại Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định quy tắc xuất xứ hàng hoá trong CPTPP và Thông tư số 06/2020/TT-BCT ngày 24/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 03/2019/TT-BCT.

2.1.1.3. Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN

Tại Việt Nam, có hai văn bản quy phạm pháp luật quan trọng quy định về hình thức tự chứng nhận xuất xứ theo Hiệp định ATIGA là Thông tư số 28/2015/TT-BCT ngày 20/8/2015 của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN và Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14/6/2020 sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định Thương mại hàng hoá ASEAN. Bên cạnh các quy định cụ thể hoá trình tự, thủ tục cấp phép cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá, thông tư đã bổ sung các tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhà xuất khẩu Việt Nam như: phải là nhà xuất khẩu đồng thời là nhà sản xuất; có cán bộ được đào tạo về xuất xứ hàng hoá. Ngoài ra, thương nhân đề nghị được tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá theo cơ chế

AWSC còn phải đáp ứng thêm điều kiện được:

1) Đã được cấp chứng nhận xuất xứ ưu đãi đối với hàng hoá cùng nhóm HS (4 số) trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận;

2) Trong trường hợp nhà xuất khẩu không phải là nhà sản xuất, nhà xuất khẩu phải được nhà sản xuất cam kết bằng văn bản về xuất xứ của hàng hoá xuất khẩu và sẵn sàng hợp tác trong trường hợp kiểm tra hồ sơ, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hoá và kiểm tra, xác minh tại cơ sở sản xuất.

2.1.2. Đánh giá thực trạng pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam

Một là, quy định tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

Hai là, về quy định về tự chứng nhận xuất xứ dàn trải trong nhiều văn bản

Ba là, quy định về chủ thể kiểm tra và xây dựng chính sách về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

Bốn là, một số quy định chưa tương thích với cam kết FTAs

Năm là, tự chứng nhận xuất xứ bị bảo lưu đối với nhiều FTAs khiến chính sách thiếu đồng bộ.

Sáu là, về chế tài xử lý vi phạm về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

2.2. Tình hình thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam

2.2.1. Tình hình thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam

Có thể thấy, so với việc nội luật hóa các cam kết về thương mại thì Việt Nam là một trong các quốc gia có bước đi chuyển biến tích cực, hiệu quả đối với nỗ lực thực thi các cam kết quốc tế, trong đó có các cam kết về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Nhiều chính sách, quy định đã được ban hành dựa vào các cam kết trong những hiệp định thương mại tự do. Theo đó, sau khi các Hiệp định thương mại tự do có hiệu lực, Việt Nam đã nhanh chóng chủ động thực hiện và hướng dẫn đối với các doanh nghiệp trong việc thực hiện pháp luật về tự do chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

Dự án thí điểm số 2 về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã được Bộ Công Thương nội luật hóa tại Thông tư số 28/2015/TT-BCT ngày 20 tháng 8 năm 2015 (sau đây gọi là Thông tư số 28/2015/TT-BCT). Các tiêu chí để lựa chọn thương nhân được xét là nhà xuất khẩu đủ điều kiện tham gia thí điểm cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN tại Việt Nam theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 28/2015/TT-BCT gồm có:

(i) Là nhà sản xuất đồng thời là nhà xuất khẩu hàng hóa do chính thương nhân sản xuất.

(ii) Kim ngạch xuất khẩu đi ASEAN được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu D năm trước liền kề đạt tối thiểu 10 (mười) triệu đô la Mỹ.

(iii) Không vi phạm quy định về xuất xứ trong 02 (hai) năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký.

(iv) Có cán bộ được đào tạo, được cấp chứng nhận hoặc chứng chỉ về xuất xứ hàng hóa do đơn vị đào tạo được Bộ Công Thương chỉ định cấp. - Trong hơn 2 năm sau ngày thực hiện dự án thí điểm số 2 về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN, số lượng nhà xuất khẩu đủ điều kiện của Việt Nam thông báo cho các nước thành viên ASEAN cùng tham gia dự án này chỉ dừng lại ở con số 2.

2.2.2. Đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam

Một là, một trong những yêu cầu bắt buộc cơ bản trong hình thức tự chứng nhận đó là doanh nghiệp tự chứng nhận phải lưu trữ toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hàng hoá tự chứng nhận xuất xứ trong thời hạn tối thiểu 03 năm (ATIGA, EVFTA, với CPTPP là 05 năm). Việc lưu trữ bằng chứng xuất xứ nhằm phục vụ quá trình xác minh, yêu cầu thông tin của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu trong trường hợp cần thiết.

Hai là, đối với trường hợp tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá xuất khẩu sang EU, như đã nêu trên, doanh nghiệp Việt Nam có thể thực hiện bằng việc đăng kí trên hệ thống REX và hưởng ưu đãi thuế quan từ GSP.

Ba là, rủi ro phát sinh khả năng gian lận thương mại về xuất xứ các trường hợp hàng quá cảnh qua Việt Nam, nhập nguyên vật liệu kể cả bán thành phẩm, thành phẩm về gia công đơn giản rồi đóng gói dưới xuất xứ Việt Nam để hưởng ưu đãi thuế suất.

Bốn là, tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa vẫn có tồn tại những rủi ro vì vẫn có khả năng gian lận thương mại xuất xứ hàng hóa, chuyển tải bất hợp pháp qua các quốc gia, mượn xuất xứ của quốc gia này để hưởng ưu đãi cũng như gian lận thương mại hàng nhập khẩu từ các nước khác vào quốc gia đó.

Năm là, rủi ro phát sinh từ việc thu hồi chứng nhận cần lưu ý đối với các doanh nghiệp hiện nay là giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện xuất xứ hàng hóa có thể bị thu hồi bất cứ lúc nào nếu doanh nghiệp không thực hiện đúng quy định như: không đủ khả năng cung cấp sự đảm bảo về xuất xứ hàng hóa; lạm dụng sự ủy quyền tự cấp giấy chứng nhận; gian lận xuất xứ hàng hóa...

Tiểu kết Chương 2

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đang ngày càng đi vào chiều sâu và được thể hiện rõ ràng thông qua việc ký kết, gia nhập hàng loạt các FTAs. Hình thức tự chứng nhận xuất xứ đang dần trở thành một cơ chế phổ biến và được các bên tham gia trong FTAs ưu tiên áp dụng. Đối với Việt Nam, việc xây dựng chính sách tự chứng nhận xuất xứ đồng bộ, phù hợp với các FTAs mà Việt Nam là thành viên là yêu cầu cấp thiết.

Theo đó, chương 2 luận văn đã làm rõ được các vấn đề cơ bản về pháp luật tự chứng nhận xuất xứ ở Việt Nam trên cơ sở tiếp cận các hệ thống pháp lý trong các Hiệp định thương mại tự do, các thiết chế được nội luật hóa trong quá trình thực thi để đánh giá những mặt đạt được, bất cập tồn tại ở góc độ luật pháp và thực tiễn thực hiện nhằm tối ưu hóa các chính sách ưu việt đối với quy định tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam hiện nay trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

CHƯƠNG 3.

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA Ở VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đáp ứng xu thế tự do hóa thương mại trong hội nhập quốc tế

Hoạt động đánh giá chính sách tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa Việt Nam nằm trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, theo Nghị quyết 06-NQ/TW năm 2016 thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới do Ban Chấp hành Trung ương ban hành, đã đặt ra quan điểm chỉ đạo: “Đẩy mạnh việc đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách; chủ động xử lý các vấn đề nảy sinh; giám sát chặt chẽ và quản lý hiệu quả quá trình thực hiện cam kết trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới...”.

3.1.2. Hoàn thiện chính sách về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải đặt trong bối cảnh tương thích với các hiệp định thương mại tự do

Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa không phải một hoạt động riêng lẻ, mà là một bộ phận trong cơ chế xuất xứ hàng hóa của các FTAs thế hệ mới. Quy tắc xuất xứ là các yêu cầu về nội dung còn chứng nhận xuất xứ là yêu cầu về thủ tục xác minh hàng hóa đảm bảo quy tắc xuất xứ trong mỗi FTAs. Vương mắc lớn nhất đó là mỗi FTA lại có một cam kết khác nhau về quy tắc xuất xứ và hình thức tự chứng nhận xuất xứ. Phương án có thể đặt ra ở đây là các FTAs đều cho nhà xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa đảm bảo sự tham gia của các bên có liên quan

Theo đó, thông qua việc tham vấn, khảo sát, trong đó chú trọng đến ý kiến của thương nhân xuất nhập khẩu - đối tượng chịu tác động chính của chính sách tự chứng nhận xuất xứ. Các phương tiện thông tin đại chúng, dư luận xã hội và ý kiến đóng góp của các tổ chức quần chúng cũng là các kênh phản hồi quan trọng về chính sách. Việc quan tâm theo dõi và tiếp nhận những thông tin này sẽ giúp các cơ quan chức năng của Nhà nước định hướng chính sách tự chứng nhận xuất xứ.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

Thứ nhất, quy định cụ thể tự chứng nhận xuất xứ trong pháp luật Việt Nam tại Điều 25 Nghị định 31/2018/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 về xuất xứ hàng hóa quy định tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa:

Một là, về tiêu chí tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

Hai là, về thu hồi văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa bị thu hồi trong những trường hợp sau đây:

- i) Giả mạo chứng từ, gian lận kê khai khi đề nghị cấp Văn bản chấp thuận.
- ii) Giả mạo hồ sơ, chứng từ để tự chứng nhận xuất xứ.
- iii) Không thực hiện trách nhiệm của Nhà xuất khẩu đủ điều kiện quy định tại Nghị định liên quan.

Thứ hai, quy định chế tài xử phạt và hoàn thiện hành lang pháp lý chặt chẽ chống hành vi gian lận xuất xứ hàng hóa.

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam

3.2.2.1. Về phía Nhà nước

Để nâng cao chất lượng công tác quản lý về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nói chung, và ở Việt Nam nói riêng, Chính phủ cần chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện các văn bản như đã nêu trên, đồng thời, chỉ đạo thúc đẩy mạnh mẽ các giải pháp về thực thi pháp luật. Cụ thể, cần tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng như Tổng cục Hải quan - Bộ Tài chính, Tổng cục Quản lý thị trường, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương. Đồng thời, cần xây dựng một hệ thống thông tin chung về các gian lận xuất xứ, doanh nghiệp vi phạm về xuất xứ, các mặt hàng nguy cơ gian lận xuất xứ... để thuận lợi cho việc tra cứu và quản lý về công tác này.

3.2.2.2. Về phía doanh nghiệp

Để đáp ứng yêu cầu về lưu trữ hồ sơ, tài liệu về hàng hoá, doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ hoàn toàn có thể ứng dụng các công nghệ hiện đại để triển khai công tác lưu trữ hồ sơ, thông tin, tài liệu, minh chứng xuất xứ như trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây³. Theo khuyến nghị của Tổ chức Hải quan thế giới, công nghệ Blockchain (chuỗi khối) hay còn gọi là công nghệ sổ cái phân tán là một công cụ hữu ích trong việc xác minh xuất xứ và chứng nhận nguồn gốc⁴. Cơ

³ Lê Nam, *Điện toán đám mây và ứng dụng*, <https://long.van.net/dien-toan-dam-may-va-ung-dung.html>, truy cập 20/9/2022.

⁴ The World Customs Organization - WCO (2020), *Comparative study on Certification of Origin*, p. 20, <http://www.wcoomd.org/en/media/newsroom/2020/june/wco-publishes-updated-version-of-the-comparative-study-on-certification-of-origin.aspx>, truy cập 20/9/2022.

chế hoạt động của Blockchain cơ bản như sau: mỗi block (khối) chứa thông tin về thời gian khởi tạo và được liên kết tới khối trước đó, kèm một mã thời gian và dữ liệu giao dịch; các block một khi đã thêm vào chain (chuỗi) thì gần như không có khả năng thay đổi các thông tin hay dữ liệu trong block do có sự tham gia bởi rất nhiều nút mạng, mỗi nút mạng chứa thông tin của toàn bộ chuỗi cho nên cần sự đồng thuận của phần lớn nút mạng này. Bên cạnh đó, blockchain sử dụng phương thức mã hoá khiến cho thông tin trong block không thể bị công khai⁵.

3.2.2.3. Việc trao đổi thông tin giữa các cơ quan chính phủ tại nước xuất khẩu và nước nhập khẩu trong việc rà soát và phối hợp xác minh hoạt động tự chứng nhận xuất xứ

Một yếu tố góp phần tạo nên sự thành công của cơ chế tự chứng nhận xuất xứ tại một quốc gia chính là sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền tại nước xuất khẩu và nước nhập khẩu trong công tác rà soát và xác minh xuất xứ hàng hóa, kịp thời ngăn chặn hành vi gian lận của doanh nghiệp.

Tiểu kết Chương 3

Việt Nam đang bước vào một sân chơi lớn với các quốc gia phát triển vượt bậc hơn chúng ta về mọi mặt khi tham gia vào các Hiệp định thương mại tự, do đó bên cạnh các cơ hội mở ra trong hội nhập thương mại, đây cũng là một thách thức lớn đối với chúng ta để có thể đáp ứng được yêu cầu hội nhập sâu rộng vào môi trường thương mại của khu vực. Đối với các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sẽ đối mặt với những thách thức không chỉ đến từ sự cạnh tranh của hàng hóa từ các quốc gia khác do môi trường thương mại đầu tư được mở cửa theo cam kết xoá bỏ các rào cản của tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Như vậy, chương 3 luận văn đã làm rõ các định hướng, các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

⁵ Nguyễn Trung Kiên (2018), *Cơ chế hoạt động của công nghệ chuỗi khối Blockchain*, <https://aita.gov.vn/co-che-hoat-dong-cua-cong-nghe-chuoi-khoi-blockchain>, truy cập 20/9/2022.

PHẦN KẾT LUẬN

Công tác quản lý xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu đóng vai trò quan trọng trong hoạt động thương mại. Để quản lý xuất xứ hàng hóa hiệu quả, không có nghĩa là áp dụng máy móc các điều khoản từ quốc tế vào Việt Nam, mà điều quan trọng phải là áp dụng những điều khoản phù hợp với bối cảnh Việt Nam để quản lý xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu theo hướng tạo thuận lợi thương mại, thay vì siết chặt dẫn đến cản trở thương mại.

Theo đó, trong quá trình tiếp cận đề tài tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam, các chương đã luận giải có tính lô gic trong quá trình làm rõ nội hàm về tự chứng nhận xuất xứ, pháp luật tự chứng nhận xuất xứ ở góc độ khái niệm, nội dung pháp luật; Luận văn cũng phân tích đặc điểm và vai trò của pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá.

Luận văn làm rõ được thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam,; Đánh giá được các bất cập từ pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá khi nội luật hoá các cam kết quốc tế.

Luận văn đưa ra các định hướng hoàn thiện pháp luật và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật, giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ở Việt Nam hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brian Staples (2015), “Báo cáo hỗ trợ bộ công thương về sáng kiến tự chứng nhận xuất xứ”, Dự án EU-Mutrap.
2. Bắc Hà (2021), *Quy tắc xuất xứ và chuyển đổi cơ chế GSP trong EVFTA*, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/quy-tac-xuat-xu-va-chuyen-doi-co-che-gsp-trong-evfta-79826.htm>, truy cập 20/9/2022.
3. Hoàng Thị Thủy (2021). Điểm khác biệt về cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của các FTA thế hệ mới. Truy cập tại <https://haiquanonline.com.vn/diem-khac-biet-ve-co-che-tu-chung-nhan-xuat-xu-cua-cac-fta-the-he-moi-142388.html>, truy cập 25/5/2022.
4. Hải Yến, *Sẽ thí điểm ứng dụng công nghệ blockchain trong trao đổi C/O điện tử với hải quan Hàn Quốc*, <https://www.customs.gov.vn/Lists/TinHoatDong/ViewDetails.aspx?ID=28847&Category=H%E1%BB%A3p%20t%C3%A1c%20qu%E1%BB%91c%20t%E1%BA%BF>, truy cập 20/9/2022.
5. Phan Thị Thu Hiền (2014), “Hoàn thiện chính sách kiểm tra xuất xứ hàng hóa nhập khẩu của Tổng cục hải quan Việt Nam”, Luận văn thạc sỹ chuyên ngành kinh tế đối ngoại Đại học Kinh tế quốc dân.
6. Lê Thu, Đào tạo tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho cán bộ công chức Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh, <https://haiquanonline.com.vn/dao-tao-tu-chung-nhan-xuat-xu-hang-hoa-cho-cbcc-cuc-hai-quan-tphcm-159391.html>, truy cập 24/5/2023.
7. Lê Nam, *Điện toán đám mây và ứng dụng*, <https://longvan.net/dien-toan-dam-may-va-ung-dung.html>, truy cập 20/9/2022.
8. Luật Quản lý ngoại thương năm 2017.
9. Nguyễn Thị Thương Huyền, Nguyễn Hoàng Tuấn (2010), Giáo trình phân loại và xuất xứ hàng hóa, Học viện Tài chính.
10. Nguyễn Trung Kiên (2018), *Cơ chế hoạt động của công nghệ chuỗi khối Blockchain*, <https://aita.gov.vn/co-che-hoat-dong-cua-cong-nghe-chuoi-khoi-blockchain>, truy cập 20/9/2022.
11. Nguyễn Hoàng Tuấn (2013), “Thống nhất về cách hiểu khi sử dụng hóa đơn thương mại trong áp dụng các quy định về xuất xứ hàng hóa theo các FTA của Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, số 12(125), tr. 43-46.

12. Ngọc Linh, Hướng dẫn tiếp nhận, kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ Chile, <https://haiquanonline.com.vn/huong-dan-tiep-nhan-kiem-tra-chung-tu-chung-nhan-xuat-xu-hang-hoa-tu-chile-172085.html>, truy cập 20/6/2022.

13. Nguyễn Như Hà (Trưởng Khoa Luật Kinh tế, Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư) - TRẦN THỊ THU HÀ (Trưởng phòng Hỗ trợ Phát triển Dịch vụ, Trung tâm Chứng nhận phù hợp, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam), <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/danh-gia-chinh-sach-tu-chung-nhan-xuat-xu-hang-hoa-tai-viet-nam-theo-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi-104698.htm>

14. Nguyễn Hoàng Tuấn, Thái Bùi Hải An (2014), Áp dụng hiệu quả các quy định về xuất xứ hàng hóa trong các hiệp định thương mại tự do của Việt Nam, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học viện Tài chính.

15. Nguyễn Hoàng Tuấn (2014), “Thực hiện cơ chế hải quan một cửa và hải quan điện tử: những chuyển biến mạnh mẽ”, Tạp chí tài chính, số 8 (598), tr.31-33.

16. Nguyễn Hoàng Tuấn, Nguyễn Thị Lan Hương (2016), Cải cách và hiện đại hoá quản lý nhà nước về hải quan khi Việt Nam tham gia cộng đồng kinh tế ASEAN, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học viện Tài chính.

17. Nguyễn Hoàng Tuấn (2017), “Vấn đề thuế quan và áp dụng quy tắc xuất xứ hàng hoá trong thương mại Việt Nam- ASEAN”, Tạp chí Tài chính, kỳ 1 - tháng 4/2017(654), tr 83-84.

18. Nguyễn Hoàng Tuấn (2017), “Chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu Việt Nam trong AEC”, Tạp chí Tài chính, kỳ 2– tháng 4/2017(655), tr 11-12.

19. Nguyễn Hoàng Tuấn (2017), “Tận dụng các ưu đãi thuế khi áp dụng tiêu chí xuất xứ hàng hoá xuất khẩu trong AEC”, Tạp chí Thanh tra Tài chính, số 179 (5-2017), tr 43-44.

20. Nguyễn Hoàng Tuấn, Vũ Duy Nguyên (2017), Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa: kinh nghiệm các nước và giải pháp áp dụng tại Việt Nam, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học viện Tài chính năm 2017.

21. Nghị định 31/2018/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa quy định tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

22. Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, Bộ Công Thương.

23. Nghị định 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

24. Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

25. Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ Công Thương.

26. Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong ASEAN.

27. Thông tư số 27/2017/TT-BCT ngày 06 tháng 12 năm 2017 nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu.

28. Thông tư số 28/2015/TT-BCT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương.

29. Thông tư số 62/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính và Thông tư số 03/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương.

30. Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA).

31. Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quy tắc xuất xứ hàng hóa trong CPTPP.

32. Thông tư số 06/2020/TT-BCT ngày 24/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 03/2019/TT-BCT.

33. Thông tư số 28/2015/TT-BCT ngày 20/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định việc thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN.

34. Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14/6/2020 sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN.

35. Thông tư số 05/2022/TT-BCT ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP).

36. The World Customs Organization - WCO (2020), Comparative study on Certification of Origin, p. 20, <http://www.wcoomd.org/en/media/newsroom/2020/june/wco-publishes-updated-version-of-the-comparative-study-on-certification-of-origin.aspx>, truy cập 20/9/2022.

37. Uyên Như (2020), *Bộ Công Thương đề nghị Ủy ban châu Âu gia hạn đăng ký mã số REX*, <https://haiquanonline.com.vn/bo-cong-thuong-de-nghi-uy-ban-chau-au-gia-han-dang-ky-ma-so-rex-130356.html>, truy cập 20/9/2022.